

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN
VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 – 35



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Bùi Ngọc Loan	Thành viên
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Lương Ngọc Bảo	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Bích Liên	Trưởng ban (từ nhiệm ngày 01/07/2016)
Bà Dương Minh Châu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Giang
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Đ. C. T. Y
J. V. A. N.
A. M.
C. H. I. N. H.

352
NG
PH
ÂN V
TH
A - T

Số: 17.152/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017



Huỳnh Thị Ngọc Trinh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2016-026-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		395.663.400.470	278.397.483.186
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	27.812.447.308	6.922.778.784
1. Tiền	111		17.812.447.308	6.922.778.784
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.525.000.000	9.525.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	9.525.000.000	9.525.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		358.325.953.162	261.516.163.106
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	60.630.924.731	62.041.430.226
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	25.708.652.925	31.957.854.092
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		150.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	273.092.823.902	168.946.650.530
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.256.448.396)	(1.429.771.742)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	433.541.296
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	-	433.541.296
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		74.993.287.495	73.536.550.846
I. Tài sản cố định	220		61.302.833.984	52.279.755.542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	59.691.357.043	50.452.477.890
Nguyên giá	222		99.075.340.856	82.722.053.292
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.383.983.813)	(32.269.575.402)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.611.476.941	1.827.277.652
Nguyên giá	228		3.398.338.786	3.377.863.786
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.786.861.845)	(1.550.586.134)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.291.746.660	14.419.325.635
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	1.291.746.660	14.419.325.635
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.000.000.000	6.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	12.000.000.000	6.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		398.706.851	837.469.669
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		398.706.851	837.469.669
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		470.656.687.965	351.934.034.032

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		337.448.069.887	218.894.798.563
I. Nợ ngắn hạn	310		265.360.684.843	218.894.798.563
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	104.774.157.863	116.075.473.015
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		521.266.644	1.920.055.665
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	2.542.856.277	3.071.802.887
4. Phải trả người lao động	314		189.607.054	1.884.281.483
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.072.726.027	293.096.827
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	22.104.170.832	8.294.580.253
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	134.155.900.146	87.355.508.433
II. Nợ dài hạn	330		72.087.385.044	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	672.912.000	-
2. Trái phiếu chuyển đổi	339	5.14	71.414.473.044	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		133.208.618.078	133.039.235.469
I. Vốn chủ sở hữu	410		133.208.618.078	133.039.235.469
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.15.1	85.852.900.000	85.852.900.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		85.852.900.000	85.852.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.379.300.000	2.379.300.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	5.14	585.526.956	-
4. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.15.4	9.400.293.842	9.400.293.842
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	5.15.4	8.000.000.000	7.000.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.807.805.362	29.223.949.709
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		14.874.758.073	8.941.022.499
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.933.047.289	20.282.927.210
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		470.656.687.965	351.934.034.032



Nguyễn Xuân Giang

Tổng Giám Đốc

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Đỗ Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hiền

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

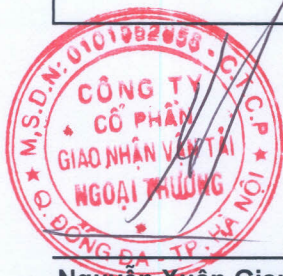
Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	464.833.325.813	574.294.573.768
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		464.833.325.813	574.294.573.768
3. Giá vốn hàng bán	11	6.2	417.701.486.637	525.828.662.674
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.131.839.176	48.465.911.094
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	11.893.945.401	12.778.353.398
6. Chi phí tài chính	22	6.4	11.468.363.355	6.331.358.358
Trong đó, chi phí lãi vay	23		9.938.098.342	3.430.774.342
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	23.363.381.603	20.890.749.807
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.194.039.619	34.022.156.327
9. Thu nhập khác	31		694.631.139	590.174.594
10. Chi phí khác	32		7.572.900	18.654.524
11. Lợi nhuận khác	40		687.058.239	571.520.070
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.881.097.858	34.593.676.397
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.981.843.312	5.685.826.308
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.899.254.546	28.907.850.089



Nguyễn Xuân Giang
Tổng Giám Đốc

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hiền
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24.881.097.858	34.593.676.397
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02		7.812.453.649	7.496.463.149
Các khoản dự phòng	03		(173.323.346)	(217.340.527)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.4	496.033.140	415.440.455
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.431.870.493)	(10.709.054.567)
Chi phí lãi vay	06	6.4	9.938.098.342	3.430.774.342
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		32.522.489.150	35.009.959.249
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.264.361.158)	35.873.616.429
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(668.808.667)	(28.722.366.435)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		438.762.818	150.331.035
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.865.372.315)	(3.430.774.342)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.11	(3.462.914.063)	(6.738.570.876)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.255.618.893)	(4.551.891.431)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.555.823.128)	27.590.303.629
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.237.748.127)	(18.400.591.136)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		109.090.908	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(86.000.000.000)	(160.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.140.961.403	10.709.054.567
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(79.987.695.816)	(167.691.536.569)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		585.526.956	4.050.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	416.266.480.009	149.700.404.798
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(297.378.703.252)	(62.344.896.365)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.042.073.850)	(15.047.612.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		102.431.229.863	76.357.896.433
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50		20.887.710.919	(63.743.336.507)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60		6.922.778.784	70.660.342.234
	61		1.957.605	5.773.057
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	27.812.447.308	6.922.778.784



Nguyễn Xuân Giang
Tổng Giám Đốc

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hiền
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 07 năm 2015.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009 Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất là 85.852.900.000 VND. Đây cũng là vốn thực góp của các nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	19.800.000.000	23,06	19.800.000.000	23,06
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam (Vinatrans)	Việt Nam	9.000.000.000	10,48	9.000.000.000	10,48
Các đối tượng khác		57.052.900.000	66,45	57.052.900.000	66,45
Cộng		85.852.900.000	100,00	85.852.900.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 281 nhân viên (31/12/2015: 265 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Giao nhận, tiếp vận.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
 - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
 - + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
 - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
 - + Đại lý tàu biển;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
 - + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đầu giá: môi giới hàng hải;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
 - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu;
 - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có công ty con sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành có trụ sở kinh doanh chính đặt tại số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là các hoạt động vận tải, giao nhận, tiếp vận – Xem thêm mục 5.2.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Hải Phòng	Số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ngoại tệ

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế

Lãi suất thực tế (hay còn gọi là lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền đối với các khoản mục được ghi nhận theo giá trị hiện tại, giá trị phân bổ, giá trị thu hồi được xác định theo lãi suất ngân hàng thương mại.

Lý do lựa chọn lãi suất thực tế: lãi suất thực tế được dùng để chiết khấu dòng tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trong tương lai về hiện tại nhằm xác định giá trị của trái phiếu và giá trị quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu khi đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.5. Đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***Đầu tư vào công ty con***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

4.6. Các khoản phải thu***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2016
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ Tài sản cố định khác	04 năm

4.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 02 phố Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội trong 20 năm; quyền sử dụng diện tích đất tại Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng trong 50 năm và quyền sử dụng lâu dài diện tích đất tại Số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đồng Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Trái phiếu chuyển đổi

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi được xác định là khoản chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành. Lãi suất sử dụng để chiết khấu dòng tiền là 8,7% được đánh giá là đáng tin cậy.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.11. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

4.13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn; Lỗ tỷ giá hối đoái.

4.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

4.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận chuyển quốc tế: 0%
- Phí dịch vụ chứng từ và các dịch vụ khác: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	5.341.019.171	729.576.622
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.471.428.137	6.193.202.162
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
Cộng	27.812.447.308	6.922.778.784

Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – CN Sở giao dịch có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 4,4%/ năm.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý(*)	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink Cổ phiếu Công ty CP Vinafreight	6.900.000.000	12.638.500.000	-	6.900.000.000	15.065.092.000	-
	2.625.000.000	9.065.000.000	-	2.625.000.000	11.777.500.000	-
	9.525.000.000	21.703.500.000	-	9.525.000.000	26.842.592.000	-

(*) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Logistics Vinalink và Công ty CP Vinafreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con: Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành – Xem thêm mục 1.5	12.000.000.000	(**)	-	6.000.000.000	(**)	-

(**) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

T.P.T. 35 ĐN TN OÁN (VII)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Gold Team Industries Limited	3.099.854.134	4.490.000.000
Công ty CP Dịch vụ Giao Nhận Hàng hóa TNN	3.091.254.684	-
Các khách hàng khác	54.434.312.708	57.551.430.226
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	5.503.205	-
Cộng	60.630.924.731	62.041.430.226

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Regional Container Lines Public Company	4.702.113.566	5.779.500.321
Các nhà cung cấp khác	994.430.829	2.213.790.847
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	20.012.108.530	23.964.562.924
Cộng	25.708.652.925	31.957.854.092

5.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc mua cổ phần (*)	240.000.000.000	-	160.000.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	13.968.787.405	-	7.097.297.486	-
Ký cược, ký quỹ (**)	16.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Phải thu khác	2.596.399.145	-	350.533.986	-
Tạm ứng cho bên liên quan – Xem thêm mục 8	527.637.352	-	498.819.058	-
Cộng	273.092.823.902	-	168.946.650.530	-

(*) Khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Hóa Dầu Quân Đội với số tiền là 240.000.000.000 VND để mua lại 90% cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng MIPEC. Khoản đặt cọc này được bảo lãnh bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) theo Thư bảo lãnh sửa đổi lần 4 số 049300361500219, số 019300361500223 và Thư bảo lãnh số 049300361600492. Tất cả đều được ký cùng ngày 29 tháng 12 năm 2016. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, giao dịch mua lại cổ phần Công ty Cổ phần Cảng MIPEC vẫn chưa hoàn tất.

(**) Trong đó gồm khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Sở giao dịch 1 để bảo lãnh phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Công ty Mitsui Wharf với số tiền 5.000.000.000 VND và khoản ký quỹ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền 10.000.000.000 VND – Xem thêm mục 5.13.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	Trên 3 năm	1.115.620.730	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	218.124.094	77.296.428	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	508.916.744	194.765.732	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Cộng	1.333.744.824	77.296.428		1.624.537.474	194.765.732	

(Xem tiếp trang sau)

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỨC VỤ
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỨC VỤ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Tảng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2016	35.449.690.697	8.335.996.364	37.555.513.144	581.483.087	799.370.000	82.722.053.292
Mua trong năm	-	302.995.909	1.857.963.638	-	-	2.160.959.547
Đầu tư XDCB hoàn thành	14.654.097.544	-	-	-	-	14.654.097.544
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(461.769.527)	-	-	(461.769.527)
Tại ngày 31/12/2016	50.103.788.241	8.638.992.273	38.951.707.255	581.483.087	799.370.000	99.075.340.856
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2016	6.283.546.957	2.681.556.705	22.435.472.056	558.130.275	310.869.409	32.269.575.402
Khấu hao trong năm	2.151.215.735	927.014.346	4.286.428.957	11.676.396	199.842.504	7.576.177.938
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(461.769.527)	-	-	(461.769.527)
Tại ngày 31/12/2016	8.434.762.692	3.608.571.051	26.260.131.486	569.806.671	510.711.913	39.383.983.813
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2016	29.166.143.740	5.654.439.659	15.120.041.088	23.352.812	488.500.591	50.452.477.890
Tại ngày 31/12/2016	41.669.025.549	5.030.421.222	12.691.575.769	11.676.416	288.658.087	59.691.357.043

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 1.279.526.246 VND – Xem thêm mục 5.13.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.898.595.036 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2016	2.642.410.677	735.453.109	3.377.863.786
Mua trong năm	-	20.475.000	20.475.000
Tại ngày 31/12/2016	2.642.410.677	755.928.109	3.398.338.786
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2016	1.166.849.418	383.736.716	1.550.586.134
Khấu hao trong năm	124.852.140	111.423.571	236.275.711
Tại ngày 31/12/2016	1.291.701.558	495.160.287	1.786.861.845
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2016	1.475.561.259	351.716.393	1.827.277.652
Tại ngày 31/12/2016	1.350.709.119	260.767.822	1.611.476.941

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 754.577.082 VND – Xem thêm mục 5.13.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 373.128.109 VND.

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Kho trung chuyển tại Hải Phòng	1.222.407.660	14.349.986.635
Công trình khác	69.339.000	69.339.000
Cộng	1.291.746.660	14.419.325.635

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán				
Regional Container Lines Public Co.,	37.506.165.375	37.506.165.375	62.998.445.941	62.998.445.941
Phải trả cho các đối tượng khác	56.044.405.922	56.044.405.922	43.132.179.055	43.132.179.055
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	11.223.586.566	11.223.586.566	9.944.848.019	9.944.848.019
Cộng	104.774.157.863	104.774.157.863	116.075.473.015	116.075.473.015

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2016 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	433.541.296	369.762.759	7.061.726.758	6.122.049.618	-	875.898.603
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	906.749.129	2.981.843.312	3.462.914.063	-	425.678.378
Thuế thu nhập cá nhân	-	428.797.285	3.793.065.765	4.027.971.082	-	193.891.968
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	1.000.566.403	1.000.566.403	-	-
Các loại thuế khác	-	1.366.493.714	12.277.878.630	12.596.985.016	-	1.047.387.328
Cộng	433.541.296	3.071.802.887	27.115.080.868	27.210.486.182	-	2.542.856.277

(Xem tiếp trang sau)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.12. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Nhận tiền đặt cọc mua cổ phần Công ty CP Cảng Mipec của bà Nguyễn Thị Thơm	17.000.000.000	-
Nhận tiền đặt cọc cho thuê container lạnh	4.991.020.572	8.207.385.653
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	24.496.665	24.496.665
Các khoản phải trả, phải nộp khác	88.653.595	62.697.935
Cộng	22.104.170.832	8.294.580.253

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.13. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016			Trong năm			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	Tăng	Giảm	VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND
Vay ngắn hạn	134.155.900.146	134.155.900.146		344.139.510.965	297.339.119.252		87.355.508.433	87.355.508.433	
Vay dài hạn	672.912.000	672.912.000		950.000.000	277.088.000		-	-	
Cộng	134.828.812.146	134.828.812.146		345.089.510.965	297.616.207.252		87.355.508.433	87.355.508.433	

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Điều khoản chi tiết của các khoản vay còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Thông tin về các tài sản đảm bảo, cầm cố thế chấp cho các khoản vay trên như sau:

- (a) Là các khoản vay tín chấp.
- (b) Khoản vay được bảo đảm một phần bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BB 245923 do Sở Tài nguyên & Môi trường Hải Phòng cấp ngày 06 tháng 04 năm 2010. Phần còn lại được vay tín chấp – Xem thêm mục 5.8.
- (c) Khoản vay được bảo đảm một phần bằng Sổ tiết kiệm số 478600 ngày 15 tháng 01 năm 2015 và số 502805 ngày 10 tháng 06 năm 2015 của ông Nguyễn Xuân Giang – Tổng Giám Đốc Công ty với mệnh giá lần lượt là 90.000 USD (tương đương 1.970.000.000 VND) và 2.500.000.000 VND. Hạn mức còn lại được vay tín chấp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (d) Khoản vay được ký quỹ để bảo lãnh thanh toán tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương – CN Nam Hà Nội với số tiền 10.000.000.000 VND – Xem thêm mục 5.5.
- (e) Khoản vay được đảm bảo bằng 2 xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát lần lượt là : 15C-229.71 và 15C-229.63, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe đầu kéo – Xem thêm mục 5.7.

5.14. Trái phiếu chuyển đổi

- Trái phiếu chuyển đổi của Công ty phát hành tại ngày 26 tháng 10 năm 2016 có thời hạn 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Số lượng trái phiếu chuyển đổi: 720.000 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/ trái phiếu;
- Lãi suất phát hành trái phiếu: trái phiếu phát hành cho Công ty Misui Wharf Co., Ltd có lãi suất 8%/năm và trái phiếu phát hành cho Công ty TNHH MTV SCIC có lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ giao động 2%;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi: Tại thời điểm đáo hạn, mỗi trái phiếu sẽ được đổi thành 4 cổ phần;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi: 8,7%/năm;
- Giá trị phần nợ gốc là 71.414.473.044 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 585.526.956 VND.

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2015	54.720.000.000	1.029.300.000	-	(817.208.082)	63.782.674.893	118.714.766.811
Tăng vốn trong năm trước	31.132.900.000	1.350.000.000	-	-	(28.432.900.000)	4.050.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	28.907.850.089	28.907.850.089
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.982.208.485)	(3.982.208.485)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	(5.551.600.000)	(5.551.600.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1/2015	-	-	-	-	(8.529.890.000)	(8.529.890.000)
Trích quỹ thù lao, thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(569.682.946)	(569.682.946)
Tại ngày 01/01/2016	85.852.900.000	2.379.300.000	-	(817.208.082)	45.624.243.551	133.039.235.469
Tăng trong năm nay	-	-	585.526.956	-	-	585.526.956
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	21.899.254.546	21.899.254.546
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.336.177.513)	(4.336.177.513)
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	(8.529.890.000)	(8.529.890.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2016	-	-	-	-	(8.529.890.000)	(8.529.890.000)
Trích quỹ thù lao, thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(919.441.380)	(919.441.380)
Tại ngày 31/12/2016	85.852.900.000	2.379.300.000	585.526.956	(817.208.082)	45.208.099.204	133.208.618.078



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.15.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	85.852.900.000	54.720.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	31.132.900.000
Vốn góp cuối năm	85.852.900.000	85.852.900.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.059.780.000	14.081.490.000

5.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.585.290	8.585.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	8.585.290	8.585.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.529.890	8.529.890

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.15.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2016	9.400.293.842	7.000.000.000
Trích trong năm	-	1.000.000.000
Tại ngày 31/12/2016	9.400.293.842	8.000.000.000

5.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại:		
USD	139.194,00	14.369,92
EUR	6.627,24	430,74
SGD	398,09	500,00

(Xem tiếp trang sau)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu:		
Cước vận chuyển hàng không	197.176.649.106	198.342.799.797
Cước vận chuyển đường biển	67.228.862.698	141.947.826.912
Doanh thu dịch vụ khác	200.427.814.009	234.003.947.059
Cộng	464.833.325.813	574.294.573.768
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8	16.815.705.670	18.281.520.185

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	361.279.612.235	466.732.085.623
Chi phí nhân viên	36.796.228.886	39.627.915.422
Chi phí khấu hao	6.640.694.932	6.262.123.138
Chi phí khác	12.984.950.584	13.206.538.491
Cộng	417.701.486.637	525.828.662.674

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	91.054.189	1.899.252.291
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.049.907.214	8.809.802.276
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.618.127.037	2.069.298.831
Doanh thu hoạt động tài chính khác	134.856.961	-
Cộng	11.893.945.401	12.778.353.398

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	9.938.098.342	3.430.774.342
Lỗ chênh lệch tỷ giá	988.373.890	2.485.143.561
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	496.033.140	415.440.455
Chi phí tài chính khác	45.857.983	-
Cộng	11.468.363.355	6.331.358.358

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.826.413.203	6.514.557.108
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.171.758.717	1.234.340.011
Chi phí bằng tiền khác	15.538.533.029	13.359.193.215
Chi phí dự phòng	(173.323.346)	(217.340.527)
Cộng	23.363.381.603	20.890.749.807

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân công	43.622.642.089	46.142.472.530
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.812.453.649	7.496.463.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài	361.279.612.235	466.732.085.623
Chi phí khác bằng tiền	28.350.160.267	26.348.391.179
Cộng	441.064.868.240	546.719.412.481

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	24.881.097.858	34.593.676.397
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	78.025.917	60.790.916
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(10.049.907.214)	(8.809.802.276)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	14.909.216.561	25.844.665.037
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	2.981.843.312	5.685.826.308

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như chi phí khấu hao không hợp lệ, chi phí phạt hành chính. Khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế là khoản cổ tức thu được từ hoạt động đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	344.852.006.965	149.700.404.798
Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	71.414.473.044	-
Cộng	416.266.480.009	149.700.404.798

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(297.378.703.252)	(62.344.896.365)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

- Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành
- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty con
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành:		
Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 5.3	5.503.205	-
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 5.4	20.012.108.530	23.964.562.924
Phải trả nhà cung cấp – Xem thêm mục 5.10	(11.223.586.566)	(9.944.848.019)
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Tạm ứng:		
Ông Nguyễn Xuân Giang – Tổng Giám đốc	380.298.402	81.480.108
Ông Trần Công Thành – Phó Tổng Giám đốc	147.338.950	417.338.950
Cộng – Xem thêm mục 5.5	527.637.352	498.819.058

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2015 VND
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành:		
Bán dịch vụ - Xem thêm mục 6.1	16.815.705.670	18.281.520.185
Mua dịch vụ	7.215.319.247	16.878.790.255

Ngoài ra, Ông Nguyễn Xuân Giang – Tổng Giám đốc Công ty còn dùng sổ tiết kiệm thuộc sở hữu của mình có giá trị 4.470.000.000 VND để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 20.000.000.000 VND – Xem thêm mục 5.13.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	433.333.340	555.555.560
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.020.000.000	1.020.000.000
Cộng	1.453.333.340	1.575.555.560

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	88.888.885	88.888.885

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được phân loại lại:

Bảng cân đối kế toán riêng (Trích):

	Tại ngày 01/01/2016 VND (Được phân loại lại)	Tại ngày 01/01/2016 VND (Đã được phân loại trước đây)
Thuế GTGT được khấu trừ	-	433.541.296
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	433.541.296	-

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Trích):

	Năm 2015 VND (Được phân loại lại)	Năm 2015 VND (Đã được phân loại trước đây)
Doanh thu hoạt động tài chính	12.778.353.398	12.938.508.525
Chi phí hoạt động tài chính	6.331.358.358	6.491.513.485

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Trích):

	Năm 2015 VND (Được phân loại lại)	Năm 2015 VND (Đã được phân loại trước đây)
Tăng, giảm các khoản phải thu	35.873.616.429	(124.126.383.571)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	27.590.303.629	(132.409.696.371)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(160.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	(167.691.536.569)	(7.691.536.569)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Trích):

	Tại ngày 01/01/2016 VND (Được phân loại lại)	Tại ngày 01/01/2016 VND (Đã được phân loại trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác		
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	6.824.260.000
Tạm ứng	7.596.116.544	1.771.856.544

	Năm 2015 VND (Được phân loại lại)	Năm 2015 VND (Đã được phân loại trước đây)
Chi phí nhân công	46.142.472.530	46.142.472.530
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.496.463.149	7.496.463.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài	466.732.085.623	466.732.085.623
Chi phí khác bằng tiền	26.348.391.179	32.839.904.664

Cộng**546.719.412.481****553.210.925.966**

Việc phân loại lại các thông tin so sánh nêu trên để đảm bảo tính phù hợp của số liệu so sánh và bản chất của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng, việc phân loại lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Xuân Giang
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Hiền
Người lập